

## BÁO CÁO

### Tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá tại Khánh Hòa tháng 02 năm 2021

#### A. Tình hình thị trường:

##### I. Tình hình chung:

Theo số liệu Cục Thống kê tỉnh, chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tháng 02/2021 tăng 1,83% so với tháng 01/2021.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 8 nhóm hàng có chỉ số giá tăng từ 0,05-5,51% so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,77%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,05%; May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,21%; Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,51%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,47%; Giao thông tăng 2,18%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,31%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,49%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá ổn định.

	Mặt hàng	Tháng 02/2021 so với tháng 01/2021 (%)
	Chỉ số giá tiêu dùng	101,83
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	100,77
	Trong đó: 1- Lương thực	101,49
	2- Thực phẩm	100,92
	3- Ăn uống ngoài gia đình	100,27
II	Đồ uống và thuốc lá	100,05
III	May mặc, mũ nón, giày dép	100,21
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	105,51
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,47
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	100,00
VII	Giao thông	102,18
VIII	Bưu chính viễn thông	100,00
IX	Giáo dục	100,00
X	Văn hóa, giải trí và du lịch	100,31
XI	Hàng hóa và dịch vụ khác	102,49
*	Chỉ số giá vàng	<b>99,93</b>
*	Chỉ số giá đô la Mỹ	<b>100,84</b>

## II. Diễn biến cụ thể:

### 1. Lương thực, thực phẩm:

#### a) Lương thực:

Giá bán lẻ các mặt hàng lương thực tháng 02/2021 dao động tăng, giảm so với tháng 1/2021. Hiện nay, tại nhiều địa phương tình hình thời tiết đang rất thuận lợi trong việc thu hoạch lúa của bà con nông dân, nông dân thu hoạch đến đâu thương lái vào tận đồng ruộng thu mua hết đến đó. Nếu giá tiếp tục cao như hiện nay, nông dân kỳ vọng vụ Đông Xuân 2020-2021 trúng mùa, lúa bán được giá, thu lợi nhuận cao so với những vụ mùa trước đây. Tại Khánh Hòa giá gạo tẻ thường bình quân giảm nhẹ (-36đồng/kg), gạo tẻ ngon bình quân tăng (+167 đồng/kg), cụ thể giá bán lẻ được thu thập trực tiếp tại các chợ trên địa bàn tỉnh như: gạo tẻ thường địa phương khoảng 11.000-14.000 đồng/kg, gạo Lộc Phương 23.000 đồng/kg, gạo Đồng Văn 18.500đồng/kg, gạo Tám thơm 22.000 đồng/kg, gạo Lài Sứa 19.000 đồng/kg, gạo Tía 16.000 đồng/kg, gạo nếp thường, hạt tròn từ 16.000-21.000 đồng/kg. Các loại gạo miền Nam như: gạo Nàng Nhen 16.000 đồng/kg, gạo thơm Đài Loan 20.000 đồng/kg, gạo Sóc Thái 20.500 đồng/kg, gạo Nàng Hoa 16.200 đồng/kg, gạo Nhật 24.000 đồng/kg, gạo Nàng Xuân 21.000 đồng/kg, gạo Tấm Tài Nguyên 14.000 đồng/kg, gạo nếp Sáp Tiên Giang 19.000-20.000 đồng/kg, gạo nếp Ngõng 19.000 đồng/kg, gạo nếp Cái Hoa vàng 28.000 đồng/kg...

#### b) Thực phẩm:

- Mặt hàng thịt lợn sống: Giá thịt lợn hơi trong tháng 02/2021 giảm so tháng trước, giảm (-2.036 đ/kg), theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lượng thịt lợn nhập khẩu tăng lên đã giúp ổn định nguồn cung, tác động giảm giá lợn hơi trong nước. Sau Tết Nguyên đán, thời tiết vào xuân với độ ẩm cao nên người chăn nuôi đang đẩy mạnh tái đàn, nếu mọi điều kiện thuận lợi thì dự kiến cuối quý đầu quý II và đầu quý III/2021 Việt Nam sẽ có vắc-xin dịch tả heo châu Phi thương mại để sử dụng trong ngành chăn nuôi đồng thời theo ghi nhận, niềm vui của người nông dân hiện nay là con giống đã rẻ hơn, tầm 2,8 triệu đồng/con trong khi trước đây có thời điểm lên tới 3,5 triệu đồng/con, giá thu mua được dự báo sẽ còn tiếp tục giảm nhẹ trong thời gian tới. Tại Khánh Hòa giá thịt lợn hơi bình quân trong tháng dao động từ 83.000-86.000 đồng/kg. Giá thịt lợn hơi có giảm nhưng giá lợn thịt và các sản phẩm được sản xuất từ thịt lợn không giảm so với tháng trước, thịt lợn nạc thăn tăng (+2.656đồng/kg), thịt đùi tăng (+4.167đồng/kg), thịt ba chỉ tăng (+1.429đồng/kg), giò lụa tăng (+6.428đồng/kg), giá một số mặt hàng thịt lợn cụ thể: thịt lợn nạc thăn giá từ 150.000-170.000 đồng/kg; thịt ba rọi giá từ 130.000-160.000 đồng/kg; thịt đùi giá từ 120.000-140.000 đồng/kg, sườn non từ 170.000-180.000 đồng/kg; chân giò lợn từ 100.000-110.000 đồng/kg..., trong khi giá thịt lợn tăng, một số thực phẩm tươi sống khác như thịt bò, thịt gà có dao động tăng, giảm, các mặt hàng như cá quả, cá chép, trứng gà, trứng vịt...cũng có dao động tăng, giảm so với tháng trước, thịt bò thăn giảm (1.093đồng/kg), thịt bò bắp tăng nhẹ

(+469đồng/kg), gà ta giảm nhẹ (-156đồng/kg), mặt hàng thủy hải sản tươi sống có tăng, giảm so với tháng trước.

- Từ mừng 6 tết đến nay, ngư dân Khánh Hòa đón 'lộc biển' đầu năm mới là đã có rất đã có rất nhiều tàu cá hành nghề đánh bắt cá ngừ ở TP Nha Trang liên tục cập bờ, hầu hết các tàu cá đều trúng, không chỉ sản lượng đánh bắt, mà giá cả năm nay cũng tăng 10-15% so với trước Tết, giá cá ngừ đại dương dao động từ 120.000-150.000 đồng/kg, giá cá ngừ sọc dưa dao động từ 30.000-55.000 đồng/kg (tùy loại), cá lóc có giá ổn định so tháng trước, cá chép giảm nhẹ (-833đồng/kg), tôm nuôi nước ngọt loại 40-45 con/kg tăng (+2.708đồng/kg)...

- Mặt hàng gà: Giá thịt gia cầm tươi sống giảm nhẹ 0,15 % so với tháng trước, gà mái ta còn sống loại 1,5kg trở lên dao động giá 90.000-110.000 đồng/kg, gà công nghiệp giảm nhẹ (-1.469đồng/kg) so với tháng trước, giá từ 60.000-80.000 đồng/kg.

- Giá cả các mặt hàng rau củ như bắp cải, bí xanh, cà chua... tiếp tục giảm so với thời điểm trước Tết như: Bắp Cải, Cà Chua, Bí Xanh, Cải Xanh,... giảm dao động từ 3,2%-4,6%; Bắp Cải trắng giảm (-536đồng/kg), Cải Xanh giảm (-643đồng/kg), Cà Chua giảm (-607đồng/kg), bí xanh giảm (-429đồng/kg)...

- Giá các mặt hàng thực phẩm công nghệ nhìn chung ít biến động. Giá bán lẻ một số mặt hàng hiện nay như sau: Dầu ăn Simply giá ổn định từ 42.000đ-46.000 đ/chai, đường tinh luyện Biên Hòa từ 18.000 -22.000 đồng/kg, sản phẩm dinh dưỡng Dielac Alpha step 1 hộp thiếc 400g giá ổn định từ 130.000đ-140.000 đồng/hộp, Frisolac Gold 1400g có giá 235.000 đồng/hộp, Optimum Step 1 HT 400g giá 181.000 đồng/hộp....

## **2. Vật tư nông nghiệp:**

- Giá bán lẻ các loại giống như: lúa, ngô, dưa hấu, Cải bẹ Mào gà, Cải xanh ... giá ổn định không biến động so với tháng trước.

- Các loại Vaccin gia súc, gia cầm, thuốc thú y, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ sâu, diệt cỏ...Giá ổn định so với tháng trước. Có 01 loại Vaccin tăng so tháng trước: Vaccin dịch tả lợn tăng (+200đồng/liều).

- Phân đạm, NPK giá ổn định so tháng trước.

## **3. Đồ uống:**

Giá bình quân các loại nước khoáng có giá bán lẻ ổn định so tháng trước, giá các loại mặt hàng nước giải khát có gaz, bia, rượu tăng, giá tăng nhẹ do nhu cầu cho dịp Tết Nguyên đán, nước giải khát có gaz tăng trung bình (+1.333đồng/thùng), rượu vang nội tăng (+1.667đồng/thùng), nước khoáng Lavie 4.600đ-5.000đ/chai 500ml, rượu vang đỏ Đà Lạt 85.000đ-120.000đồng/chai 750ml, nước giải khát Coca-Cola 175.000đ-195.000 đồng/thùng 24 lon, bia Sài Gòn xanh 220.000-250.000 đồng/thùng 24 lon, bia tiger 330.000-363.000 đồng/thùng 24 lon,....

## **4. Vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt:**

*a) Vật liệu xây dựng:*

Giá các mặt hàng vật liệu xây dựng: xi măng, thép liên doanh Việt Nhật, ống nhựa, gạch xây giá ổn định so tháng trước, mặt hàng cát xây, cát vàng... giá dao động tăng so tháng trước; Hiện nay, giá xi măng Sông Gianh bao PCB30 bao 50kg không đổi so tháng trước, giá 85.000 đồng/bao 50kg, mặt hàng thép cuộn phi 6 liên doanh Việt Nhật ổn định giá 11.000đ- 15.000 đồng/kg, cát xây tăng nhẹ (+1785đồng/m<sup>3</sup>) phổ biến 210.000-240.000 đồng/m<sup>3</sup>, cát vàng (cát tô) tăng (+3.438đồng/m<sup>3</sup>), giá 230.000-260.000 đồng/m<sup>3</sup>, gạch xây BT 02 lỗ hình chữ nhật 90x90x190 giá ổn định so tháng trước là 1.600 đồng/viên, gạch xây BT đặc 90x90x190 giá ổn định 1.900 đồng/viên, ống nhựa phi 90 x 2,9mm giá 47.000-56.000 đồng/mét.

*b) Khí hóa lỏng (gas đun):*

Giá gas bình quân tháng này tăng so với tháng trước, tăng (+1.419 đồng/kg), giá bán lẻ gas Petrô bình 12kg là 375.936 đồng/bình 12kg.

*c) Nước sinh hoạt:*

Giá nước sinh hoạt thực hiện theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa, cụ thể: Giá nước sinh hoạt 1 (từ 01 m<sup>3</sup> - 10 m<sup>3</sup> đầu tiên/hộ/tháng) là 5.040 đồng/m<sup>3</sup>, giá nước sinh hoạt 2 (trên 10 m<sup>3</sup> - 20 m<sup>3</sup>/hộ/tháng) là 6.930 đồng/m<sup>3</sup>, giá nước sinh hoạt 3 (trên 20 m<sup>3</sup> - 30 m<sup>3</sup>/hộ/tháng) là 7.770 đồng/m<sup>3</sup>, giá nước sinh hoạt 4 (trên 30 m<sup>3</sup>/hộ/tháng) là 10.080 đồng/m<sup>3</sup>.

**5. Thuốc chữa bệnh cho người:**

Giá thuốc chữa bệnh cho người ổn định so tháng trước không có biến động, theo Quyết định số 693/QĐ-SYT ngày 20/8/2019 của Sở Y tế Khánh Hòa về việc “Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 1- Thuốc Generic; Gói số 2 - Thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị; Gói số 3 - Thuốc cổ truyền (trừ vị thuốc cổ truyền), thuốc dược liệu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao và sinh phẩm cho các đơn vị trong ngành y tế từ tháng 9 năm 2019 đến hết tháng 8 năm 2021”, giá một số mặt hàng thuốc chữa bệnh cho người như sau: Thuốc tim mạch Atorvastatin 10mg, Việt Nam sản xuất, hộp 10 vỉ\*10 viên của Công ty CPDP Khánh Hòa giá 1.280 đồng/vỉ; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng Cefuroxim 500mg, Việt Nam sản xuất, hộp 10 vỉ\*10 viên của Công ty CPDP Minh Dân giá 22.590 đồng/vỉ; thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm Cinnarizin 25mg, Việt Nam, hộp 10 vỉ\*10 viên của Công ty CPDP Khánh Hòa 460 đồng/vỉ; thuốc giảm đau, hạ sốt Panactol, Việt Nam sản xuất, hoạt chất Paracetamol 500mg, hộp 10 vỉ\*10 viên của Công ty CPDP Khánh Hòa 5.640 đồng/vỉ; thuốc tác dụng trên đường hô hấp Acetylcystein, hoạt chất N-acetyl cystein 200mg, Việt Nam sản xuất, hộp 100 gói của Công ty CPDP Cửu Long 3.690 đồng/vỉ; thuốc vitamin AGIDOXIN, hoạt chất Vitamin B6 250mg, Việt Nam sản xuất, hộp 10 vỉ\*10 viên của Công ty Agimexpharm 3.680 đồng/vỉ; thuốc đường tiêu hóa Kagasidine, hoạt chất Omeprazol 20mg, Việt Nam sản xuất, hộp 10 vỉ\*10 viên của Công ty CPDP Khánh Hòa 1.310 đồng/vỉ; thuốc Hóc môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết

Metformin 500mg, Việt Nam sản xuất, hộp 4 vi\*15 viên của Công ty CPDP Tipharco 1.450 đồng/vi.

### **6. Dịch vụ y tế:**

Giá dịch vụ y tế không đổi so tháng trước do Sở Y tế cung cấp cụ thể:

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước: Khám bệnh tại bệnh viện hạng 1 là 39.000 đồng/lượt; dịch vụ ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1 tại bệnh viện hạng 1 là 199.100 đồng/ngày; siêu âm 49.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 47.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 45.900 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 231.000 đồng/lượt, châm cứu (có kim dài) 81.800đ/lượt...

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (tại Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa): Khám bệnh 70.000 đồng/lượt; siêu âm trắng đen 100.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 100.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 60.000 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 340.000 đồng/lượt, châm cứu (có kim dài) 100.000đ/lượt...

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (tại Phòng khám Đa khoa Thiện Trang): Khám bệnh 70.000 đồng/lượt; siêu âm 180.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 180.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 70.000 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 350.000 đồng/lượt, hàn composite cổ răng 200.000đ/lượt..

### **7. Giao thông:**

#### *a) Dịch vụ trông giữ xe:*

Giá dịch vụ trông giữ xe máy, xe ô tô thực hiện theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước theo lượt ban ngày tối đa không quá 4.500 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ xe máy, xe máy điện; tối đa không quá 18.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi (khuyến khích áp dụng mức thu bằng dịch vụ giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước là 3.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ xe máy, xe máy điện và 12.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi).

#### *b) Giá cước vận tải hành khách:*

- Giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô ổn định. Để đảm bảo nhu cầu đi lại của hành khách và nhân dân trong dịp Tết Dương lịch năm 2021, Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 và mùa Lễ hội xuân Tân Sửu 2021, đồng thời đảm bảo mức giá cước ngày Tết không có sự tăng bất hợp lý, bảo đảm bình ổn giá

theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải Khánh Hòa đã ban hành Công văn số 88/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 11/01/2021 V/v tỷ lệ phụ thu giá cước vận tải hành khách đối với các tuyến vận chuyển có lịch chiều trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, áp dụng từ ngày 01/02/2021 đến ngày 27/02/2021, tỷ lệ phụ thu tối đa 60% giá cước tuyến cố định với chiều đông khách.

- Cụ thể, phụ thu được tính theo 2 giai đoạn: trước và sau Tết Nguyên đán. Thời gian trước Tết được tính từ ngày 01-2-2021 (tức ngày 20-12 âm lịch) đến 11-2-2021 (tức ngày 30 Tết). Sau Tết, từ ngày 12-2-2021 (mùng 1 Tết) đến 26-2-2021 (15-01 âm lịch). Tỷ lệ phụ thu này cũng được tính toán theo từng khung thời gian khác nhau, đối với chiều ít khách, các doanh nghiệp không được phụ thu. Ngoài ra, đối với những xe ghế ngồi được tăng cường để giải tỏa khách của các đơn vị không có tuyến cố định Nha Trang - TP. Hồ Chí Minh và ngược lại, Công ty Cổ phần Khai thác bến xe và dịch vụ vận tải Khánh Hòa đăng ký, in ấn, phát hành vé với những chuyến xe ghế ngồi tăng cường sau Tết. Giá vé bằng 90% giá vé xe giường nằm hoạt động tuyến cố định của đơn vị có giá cao nhất tại thời điểm được điều động. Cụ thể: Giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô giường nằm, máy lạnh tuyến thành phố Hồ Chí Minh đi Khánh Hòa từ 250.000 - 350.000 đồng/vé tăng lên 400.000-560.000 đồng/vé từ ngày 05/02/2021 đến hết ngày 11/02/2021, tuyến từ Khánh Hòa đi Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 15/02/2021 đến 21/02/2021 giá vé từ 360.000-380.000đ tăng 576.000đ-608.000đ/vé.

- Giá cước xe buýt tuyến Bình Tân-Trần Phú-Thành 9.000 đồng/vé/luợt; cước taxi xe thường 4 chỗ ngồi có giá 5.400-8.657 đồng/600 mét đầu tiên, giá 11.000-15.500 đồng/km từ 601 mét đến km thứ 30 và giá 7.500-11.000 đồng/km từ km thứ 31 trở đi. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, Sở Giao thông vận tải Khánh Hòa vẫn áp dụng Công văn số 1156/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 23/4/2020 “Về việc triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phòng, chống dịch Covid-19”, thực hiện từ 0 giờ ngày 24/4/2020, đối với các đơn vị vận tải đang hoạt động tuyến cố định tại các bến xe được phép hoạt động tối đa 30% theo biểu đồ đối với các tỉnh thuộc nhóm có nguy cơ và tối đa đến 50% theo biểu đồ đối với các tỉnh thuộc nhóm có nguy cơ thấp (tối thiểu không nhỏ hơn 01 chuyên/tuyến); Trang bị dung dịch rửa tay (có ít nhất 60% nồng độ cồn), dung dịch khử khuẩn, thùng rác có nắp đậy trên mọi phương tiện vận tải; sắp xếp, bố trí hành khách ngồi giãn cách trên phương tiện (không chở quá 50% số ghế và cách 01 ghế) hoặc đảm bảo cách nhau 1 mét. Trang bị và yêu cầu tất cả nhân viên phục vụ, hành khách phải đeo khẩu trang khi lên xe và trong suốt quá trình vận chuyển, hành khách khai báo y tế điện tử (hoặc khai báo y tế giấy); Kiểm tra thân nhiệt, sát khuẩn tay, lập và lưu trữ danh sách hành khách, số điện thoại, địa chỉ; Nếu phát hiện hành khách có biểu hiện sốt, ho, khó thở cần thông báo đến đường dây của Sở Y tế hoặc Bộ Y tế (số điện thoại: 1900 3228 hoặc 1900 9095) và đến cơ sở y tế gần nhất để được tư vấn và điều trị kịp thời...

*c) Xăng dầu:*

- Giá xăng, dầu được Bộ Tài chính điều chỉnh tăng 01 lần trong tháng kể từ 15h00 ngày 26/01/2021, Công ty Xăng dầu Phú Khánh ban hành Quyết định số 032/PLXPK-QĐ-GĐ ngày 26/01/2021 giá xăng, dầu tăng so với đợt điều chỉnh liền kề trước đó cụ thể: Xăng không chì Ron 95-III tăng (+319đồng/lít), xăng sinh học E5 Ron 92-II tăng (+337đồng/lít), dầu diezen 0,001S-V tăng (+373đồng/lít), dầu diezen 0,05S-II tăng (+372 đồng/lít), dầu hỏa tăng (+318 đồng/lít).

- Hiện giá bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh là: Xăng không chì Ron 95-III giá 17.610 đồng/lít, xăng sinh học E5 Ron 92-II giá 16.620 đồng/lít, dầu diezen 0,001S-V giá 13.650 đồng/lít, dầu diezen 0,05S-II giá 13.300 đồng/lít, dầu hỏa 2-K giá 12.130 đồng/lít (giá bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế BVMT).

### **8. Dịch vụ giáo dục:**

- Giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, dạy nghề học sinh phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, dạy nghề học sinh phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể:

+ Mức thu học phí mầm non (mẫu giáo, nhà trẻ) khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 140.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố), các đảo thuộc phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang là 45.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi, các đảo thuộc huyện Trường Sa là 30.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Mức thu học phí trung học cơ sở khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 60.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 35.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi là 25.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Mức thu học phí trung học phổ thông khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 70.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 45.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi là 30.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Mức thu học phí dạy nghề phổ thông tại các trung tâm giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 60.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 35.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi là 25.000 đồng/học sinh/tháng.

- Giá dịch vụ giáo dục (học phí) đào tạo cao đẳng công lập, đào tạo đại học công lập đối với các ngành, nghề đào tạo theo chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước cấp kinh phí thực hiện theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày

11/8/2016 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể: Dịch vụ đào tạo cao đẳng công lập Ngành y dược, Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa là 940.000 đồng/tháng/sinh viên; dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập Ngành Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Khánh Hòa là 570.000 đồng/tháng/sinh viên.

### **9. Giải trí và Du lịch:**

- Ngày 16-2-2021, Sở Du lịch tỉnh Khánh Hòa cho biết lượng khách đến Nha Trang - Khánh Hòa trong dịp Tết Nguyên đán 2021 giảm mạnh so với cùng kỳ, tổng lượt khách lưu trú trong 5 ngày (từ 30 tháng Chạp đến mùng 4 Tết) là 27.100 khách, chỉ đạt hơn 13 % so với dịp Tết Nguyên đán 2019 (205.000 khách). Ngành du lịch địa phương lấy thời điểm 2019 để so sánh vì lúc này chưa bị ảnh hưởng của dịch bệnh. Mặc dù các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn đã chủ động, sẵn sàng đón khách cùng với việc trang trí, tạo nhiều chương trình, sản phẩm thu hút khách du lịch, xây dựng chương trình kích cầu du lịch. Tuy nhiên, dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại tại một số tỉnh thành ngay thời điểm trước Tết đã làm ảnh hưởng đến tâm lý chung của khách du lịch nội địa. Vì vậy, tình hình khách đặt phòng rất hạn chế, thậm chí là hủy booking khách sạn và tour. Lượng du khách đến Nha Trang - Khánh Hòa dịp Tết khá khiêm tốn, vì thế công suất phòng tại các cơ sở lưu trú cũng rất thấp. Những khách sạn nghỉ dưỡng cao cấp đạt công suất sử dụng buồng phòng cao thì trung bình cũng 30-40 %, hiếm nơi mới đạt trên 50%; nhiều cơ sở lưu trú chỉ đạt công suất 11-12 %.

- Với tình hình du lịch âm ỉm vì dịch Covid-19, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú hầu hết khai báo giá phòng giảm phổ biến từ 10-30% từ tháng 2-2021, giá phòng 500.000 đồng/phòng đôi giảm còn 350.000 đồng/phòng (khách sạn Sen Vàng, địa chỉ đường Trần Phú); giá phòng Deluxe Sea View - "30m2 Hướng biển" giá từ 800.000 đồng/phòng giảm 650.000 (Khách sạn Atlantic đường Nguyễn Thị Minh Khai), giá phòng có cửa sổ, View thành phố giá 610.000 đồng/phòng giảm còn 449.000 đồng/phòng (Khách sạn navada - navada beach hotel).. Để kích cầu du lịch, ngành du lịch cam kết bảo đảm chất lượng, giá cả dịch vụ sản phẩm, tạo an toàn cho du khách, các công ty cùng ký kết Liên minh sản phẩm du lịch, việc liên kết nhằm tối ưu hóa các dịch vụ, giảm đi nhiều chi phí phát sinh cho du khách đồng thời bảo đảm giảm giá nhưng không giảm chất lượng.

### **10. Vàng, đô la Mỹ:**

#### **a) Vàng:**

- Tháng này giá vàng (nhấn 99%) bình quân trên thị trường giảm so với tháng trước, giảm (-0,84%). Giá vàng trong nước sụt giảm nhưng vẫn ở mức cao kỷ lục so với vàng thế giới. Trong bối cảnh nền kinh tế có tín hiệu khởi sắc, lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ tăng liên tục đã đẩy giá vàng đi xuống. Vàng đã giảm hơn 6% đầu năm 2021 trong bối cảnh lạc quan về tăng trưởng kinh tế với kỳ vọng về sự tiến triển trong tiêm chủng vắc xin Covid-19 ở nhiều nước. Đồng thời, lợi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 10 năm của Mỹ tăng cũng đang đè nặng

lên nhu cầu đối với vàng thỏi. Bởi vậy, giá vàng thế giới trong năm nay khó tăng cao như trong năm ngoái. Một số tổ chức lớn như Morgan Stanley gần đây có dự báo giá vàng sẽ về dưới 1.800 USD/ounce vào cuối năm.

- Thị trường Khánh Hòa giá vàng bán ra dao động ở mức 5.395.000-5.473.000 đồng/chỉ. Sáng 21-2, tại các tiệm vàng trên địa bàn TP. Nha Trang, người dân “đổ xô” đi mua vàng trong ngày vía thần tài (mùng 10 tháng Giêng) nhằm cầu mong một năm nhiều may mắn, tài lộc, làm ăn thuận lợi, so với ngày vía thần tài mọi năm, năm nay người dân đi mua vàng giảm đáng kể nhưng so với ngày thường tăng gấp 3-4 lần. So với những ngày trước đó, giá vàng ngày thần tài có tăng hơn nhưng so với trước Tết vẫn giảm. Giá vàng miếng SJC được nhiều khách hàng ưa chuộng, niêm yết 56,15 triệu đồng/lượng bán ra, 55,75 triệu đồng/ lượng mua vào. Mức giá bán ra bình quân tháng 02/2021 của vàng nhẫn 99% giảm 46 đồng/chỉ so với tháng trước.

*b) Đô la Mỹ:*

Giá USD bình quân tại Khánh Hòa giảm so tháng trước, giảm 0,31%, trong thời gian qua, đồng USD đã suy yếu mạnh mẽ, tâm lý rủi ro đã được thúc đẩy trong vài tháng qua, gây bất lợi cho đồng đô la Mỹ vốn được xem là tài sản an toàn, với hy vọng về gói kích thích kinh tế của Mỹ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tỷ giá bán ra đồng Đô la Mỹ tại ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Khánh Hòa trong tháng 2/2021 dao động từ 23.060-23.130đồng/USD, tỷ giá bán ra giảm hơn vào thời điểm sau tuần đầu tiên của tháng kể từ ngày 08/02/2021 trở đi giá ổn định 23.060-23.110 đồng/USD. Tỷ giá bán ra đô la Mỹ bình quân tháng 02/2021 giảm 71 đồng/USD so với tháng trước.

**B. Công tác chỉ đạo quản lý giá tháng 02 năm 2021:**

1. Tham gia ý kiến gửi Cục Thuế tỉnh việc góp ý dự thảo Quy chế phối hợp trong công tác quản lý thuế đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

2. Theo Chỉ thị số 06/CT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, Sở Tài chính thực hiện báo cáo Tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý, bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 tại tỉnh Khánh Hòa (báo cáo tình hình giá cả thị trường trước Tết, trong Tết và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021);

3. Tham gia ý kiến gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn việc lấy ý kiến tham mưu giải quyết đề nghị của UBND huyện Khánh Vĩnh về xử lý Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung;

4. Phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước Nam Trung Bộ thực hiện việc khảo sát giá mua gạo dự trữ quốc gia năm 2021 tại tỉnh Khánh Hòa để Cục Dự trữ tham khảo xây dựng phương án giá mua gạo dự trữ quốc gia năm 2021 trình Tổng Cục Dự trữ Nhà nước.

5. Tham mưu UBND tỉnh về việc triển khai công tác điều hành giá năm 2021 (theo Công văn số 655/VPCP-KTTH ngày 27/01/2021 của Văn phòng

Chính phủ, kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp Ban Chỉ đạo điều hành giá).

6. Thực hiện kế hoạch kiểm tra giá dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về việc kinh doanh, dự trữ hàng hóa thiết yếu và bán hàng theo giá bình ổn đối với Trung tâm Dịch vụ Thương mại Khánh Vĩnh, thời gian kiểm tra từ ngày 05/02/2021 đến hết ngày 16/02/2021 theo Quyết định số 25/QĐ-STC ngày 25/01/2021. Qua kiểm tra, nhận thấy Trung tâm Dịch vụ Thương mại Khánh Vĩnh đã sử dụng vốn đúng mục đích, thực hiện kế hoạch dự trữ hàng hóa, triển khai đầy đủ các điểm bán hàng theo đăng ký; các điểm bán hàng bình ổn đều niêm yết giá và bán theo giá niêm yết; giá bán theo giá bình ổn đã cam kết và thấp hơn giá thị trường.

7. Tổ chức theo dõi, khảo sát, tổng hợp báo cáo giá thị trường các mặt hàng theo danh mục quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường; báo cáo giá các mặt hàng theo danh mục trên Phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo Công văn số 2527/BTC-QLG ngày 06/3/2019 của Bộ Tài chính về việc triển khai nhập liệu báo cáo giá cả thị trường vào CSDL quốc gia về giá, kết hợp báo cáo theo quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC (Khánh Hòa là một trong số 20 tỉnh thực hiện báo cáo trên Phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá giai đoạn 1).

8. Tổ chức tiếp nhận, kiểm soát biểu mẫu kê khai giá đối với các cơ sở kinh doanh các mặt hàng gạo, đường ăn, xi măng, xăng dầu, khí hóa lỏng, thức ăn chăn nuôi, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, dịch vụ cảng biển...; tiếp nhận biểu mẫu kê khai giá dịch vụ lưu trú của các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú trên địa bàn thành phố Nha Trang, biểu mẫu kê khai giá dịch vụ du lịch lữ hành. Từ ngày 01/02/2021 đến ngày 25/2/2021 đã tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ kê khai giá, duyệt 51 hồ sơ kê khai giá các loại.

Sở Tài chính Khánh Hòa báo cáo./.

(Đính kèm Bảng giá thị trường tháng 2 năm 2021).

**Nơi nhận: (VBĐT)**

- Bộ Tài chính A+B (Cục quản lý giá) (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (phối hợp);
- Phòng Tài chính các huyện, thị xã, TP (phối hợp);
- Trại giam A2 Đồng Giang Diên Khánh (để biết);
- Phòng Hậu cần-Công an tỉnh Khánh Hòa (để biết);
- Lưu: VT, QLG&CS, N

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Quốc Thành**

**BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 2 NĂM 2021**  
(Kèm theo Báo cáo số 6/0 /BC-STC ngày 01/02/2021 của Sở Tài chính Khánh Hòa)

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ nay	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8 - 7)	(10) = (9/7)	(11)	(12)
<b>I</b>	<b>01</b>	<b>LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM</b>									
1	01.0001	Thóc, gạo tẻ thường	Khang dân hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	13.143	13.107	(36)	(0,27)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Gạo tẻ thường trắng địa phương từ 11.000 - 14.000 đ/kg
2	01.0002	Gạo tẻ ngon	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	18.833	19.000	167	0,89	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Gạo Tám thơm, gạo Tía, Lài sữa, Lóc Phương, Phước Thành, Đồng Văn từ 16.000 - 23.000 đ/kg
3	01.0003	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)	Thịt heo hơi bán theo kg	đ/kg	Giá bán lẻ	86.179	84.143	(2.036)	(2,36)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá từ 83.000-86.000đ/kg
4	01.0004	Thịt lợn nạc thân (Thịt heo nạc thân)	Thịt heo nạc thân bán theo kg	đ/kg	Giá bán lẻ	158.969	161.625	2.656	1,67	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá từ 155.000-170.000đ/kg
5	01.0005	Thịt bò thăn	Thịt bò thăn bán theo kg	đ/kg	Giá bán lẻ	259.531	258.438	(1.093)	(0,42)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 240.000 - 270.000 đ/kg
6	01.0006	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 - 300 gram/ cái	đ/kg	Giá bán lẻ	233.594	234.063	469	0,20	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 220.000 - 250.000 đ/kg
7	01.0007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 - 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	101.719	101.563	(156)	(0,15)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 90.000 - 110.000 đ/kg
8	01.0008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lồng, loại 1,5 - 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	68.500	67.031	(1.469)	(2,14)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 60.000 - 80.000 đ/kg

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
9	01.0009	Giò lụa	Loại 1 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	159.286	165.714	6.428	4,04	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 145.000 - 180.000 đ/kg
10	01.0010	Cà quạ (cà lọc)	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	76.857	76.857	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	65.000 - 85.000 đ/kg
11	01.0011	Cá chép	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	80.833	80.000	(833)	(1,03)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 70.000 - 90.000 đ/kg;
12	01.0012	Tôm rảo, tôm nuôi nước ngọt	Loại 40-45 con/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	167.500	170.208	2.708	1,62	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 150.000 - 190.000 đ/kg
13	01.0013	Bắp cải trắng	Loại to vừa khoảng 0,5-1kg/bắp	đ/kg	Giá bán lẻ	15.536	15.000	(536)	(3,45)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá giảm so tháng trước
14	01.0014	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg	Giá bán lẻ	13.500	12.857	(643)	(4,76)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá giảm so tháng trước
15	01.0015	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	13.000	12.571	(429)	(3,30)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá giảm nhẹ
16	01.0016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	18.964	18.357	(607)	(3,20)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá giảm so tháng trước
17	01.0017	Muối hạt	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	5.500	5.417	(83)	(1,51)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 4.000đ- 8.000đ/kg
18	01.0018	Dầu thực vật	Chai 01 lít	đ/lít	Giá bán lẻ	45.375	45.000	(375)	(0,83)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Dầu Simply giá từ 42.000 - 46.000 đ/chai, giá ổn định
19	01.0019	Đường trắng kết tinh, nội	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	20.500	20.525	25	0,12	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Đường Biên Hòa từ 18.000đ- 22.000đ/kg
20	01.0020	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi		đ/hộp	Giá bán lẻ	131.600	133.300	1.700	1,29	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Sữa Dielac Alpha Steps 1, hộp thiết 400g
<b>II 02 VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP</b>											
21	02.0005	Giống lúa Nếp 97, cấp NC		đ/kg	Giá bán lẻ	65.000	65.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
22	02.0010	Giống lúa Khang dân 18		đ/kg	Giá bán lẻ	75.000	75.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
23	02.0012	Giống lúa T10		đ/kg	Giá bán lẻ	14.000	14.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
24	02.0020	Giống lúa khác phổ biến		đ/kg	Giá bán lẻ	15.000	17.000	2.000	13,33	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Lúa 202
25	02.0024	Giống ngô SSC586		đ/kg	Giá bán lẻ	72.500	72.500	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 65.000 - 75.000 đ/kg
26	02.0026	Giống ngô B21		đ/kg	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
27	02.0028	Giống ngô LVN4 F1		đ/kg	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
28	02.0043	Hạt giống Cải bẹ Mào gà GRQ09, cấp xác nhận		đ/kg	Giá bán lẻ	750.000	750.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
29	02.0046	Hạt giống Cải xanh lùn Thanh Giang Trung Quốc, cấp xác nhận		đ/kg	Giá bán lẻ	245.000	245.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
30	02.0050	Vac-xin Lở mồm long móng	25 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	31.500	31.500	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
31	02.0051	Vac-xin Tai xanh (PRRS)	10 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	28.000	28.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
32	02.0052	Vac-xin tụ huyết trùng	25 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	5.460	5.460	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
33	02.0053	Vac-xin dịch tả lợn	25 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	3.800	4.000	200	5,26	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
34	02.0054	Vac-xin cúm gia cầm	200 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	378	378	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
35	02.0055	Vac-xin dịch tả vịt	500 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	135	135	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
36	02.0056	Thuốc thú y	Chứa các hoạt chất: Ampicillin, Amoxicillin; Colistin; Florfenicol; Tylosin; Doxycyclin; Gentamycine; Spiramycin; Oxytetracyline; Kanamycin; Streptomycin; Lineomycin; Cephalaxin; Flumequin.	đ/chai	Giá bán lẻ	6.300	6.300	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Chứa các hoạt chất: Bio-Amoxicillin, chai 10ml; Công ty liên doanh BIO-PHARMACHEMI E; sản xuất trong nước
37	02.0057	Thuốc trừ sâu	Chứa hoạt chất Fenobucarb; Pymethrozini; Dinotefuran; Ethofenprox ; Buprofezin ; Imidacloprid ; Fipronil.	đ/lit	Giá bán lẻ	110.417	110.417	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Chứa hoạt chất Fenobucarb (sản phẩm BASSA 50 EC), Công ty CP Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
38	02.0058	Thuốc trừ bệnh	Chứa hoạt chất: Isoprothiolane; Tricyclazole; Kasugamycin; Fenoxanil; Fosetyl-aluminium; Metalaxy; Mancozeb; Zined.	đ/lit	Giá bán lẻ	370.000	370.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Chứa hoạt chất Isoprothiolane (sản phẩm Vifusi 40EC), Công ty CP thuốc sắt trung Việt Nam

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
39	02.0059	Thuốc trừ cỏ	Chứa hoạt chất: Glyphosate; Pretilachlor; Quinclorac; Armetryn.	đ/lít	Giá bán lẻ	75.000	75.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Chứa hoạt chất Glyphosate (sản phẩm Carphosate 480SL), Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hòa Nông
40	02.0060	Phân đạm urê	Có hàm lượng Nitơ (N) tổng số $\geq 46\%$ ;	đ/kg	Giá bán lẻ	8.000	8.000	-	-		Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí
41	02.0061	Phân NPK	Có tổng hàm lượng các chất dinh dưỡng Nitơ tổng số (Nts), lân hữu hiệu (P2O5hh), kali hữu hiệu (K2Ohh) $\geq 18\%$ .	đ/kg	Giá bán lẻ	13.000	13.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Công ty CP Phân bón Bình Điền
<b>III</b>	<b>03</b>	<b>ĐỒ UỐNG</b>									
42	03.0001	Nước khoáng	Chai nhựa 500ml	đ/chai	Giá bán lẻ	5.000	5.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Nước khoáng Lavie
43	03.0002	Rượu vang nội	Chai 750ml	đ/chai 750ml	Giá bán lẻ	100.083	101.750	1.667	1,67	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Rượu vang Đà Lạt từ 85.000 - 120.000 đ/chai
44	03.0003	Nước giải khát có ga	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	185.000	186.333	1.333	0,72	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Coca-cola từ 175.000 - 195.000 đ/thùng
45	03.0004	Bia lon	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	235.125	234.188	(937)	(0,40)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Bia Sài Gòn từ 220.000 - 250.000 đ/thùng
<b>IV</b>	<b>04</b>	<b>VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT, NƯỚC SINH HOẠT</b>									

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
46	04.0001	Xi măng	PCB30 bao 50kg	đ/bao	Giá bán lẻ	85.000	85.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Xi măng Sông Gianh
47	04.0002	Thép xây dựng	Ghi rõ quy cách	đ/kg	Giá bán lẻ	12.000	12.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thép xây dựng liên doanh Việt Nhật từ 11.000 - 15.000 đ/kg
48	04.0003	Cát xây	Mua rời dưới 2m <sup>3</sup> /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m <sup>3</sup>	Giá bán lẻ	226.429	226.607	178	0,08	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
49	04.0004	Cát vàng	Mua rời dưới 2m <sup>3</sup> /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m <sup>3</sup>	Giá bán lẻ	243.125	246.563	3.438	1,41	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
50	04.0006	Gạch xây	Gạch ống 2 lỗ, cỡ rộng 10 x dài 22, loại 1, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương	đ/viên	Giá bán lẻ	1.600	1.600	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	gạch xây BT 02 lỗ hình chữ nhật 90x90x190
51	04.0007	Ông nhựa	Phi 90 loại 1	đ/mét	Giá bán lẻ	51.825	51.825	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Ông nhựa Bình Minh giá 47.000 - 56.000 đ/m
52	04.0008	Gas đun	Loại bình 12kg (không kê tiên bình)	Vnd/kg	Giá bán lẻ	29.909	31.328	1.419	4,74	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Gas Petrol của Công ty xăng dầu Phú Khánh
53	04.0009	Nước sạch sinh hoạt	Ghi rõ tên doanh nghiệp cung cấp, địa bàn cung cấp	đ/m <sup>3</sup>	Giá bán lẻ	5.040	5.040	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trung bình 10m <sup>3</sup> dầu tiên (giá nước sinh hoạt 1) theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa
V	05	THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI									

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỹ trước	Giá kỹ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
54	05.0001	Thuốc tim mạch	Hoạt chất Amlodipin 10 mg hoặc Hoạt chất Atorvastatin 10mg hoặc Hoạt chất Nifedipin 20mg	đ/ vi	Giá bán buôn	1.280	1.280	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Atorvastatin 10mg, Việt Nam, Hộp 10 vi*10 viên, Uống, Công ty CPDP Khánh Hòa
55	05.0002	Thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng	Hoạt chất Cefuroxim 500mg hoặc Hoạt chất Amoxicilin 500mg	đ/ vi	Giá bán buôn	22.590	22.590	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Cefuroxim 500mg, Việt Nam, Hộp 10 vi*10 viên, Uống, Công ty CPDP Minh Dân
56	05.0003	Thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm	Hoạt chất Cinnarizin 25mg hoặc Hoạt chất Fexofenadin 60mg	đ/ vi	Giá bán buôn	460	460	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Cinnarizin 25mg, Việt Nam, Hộp 10 vi*10 viên, Uống, Công ty CPDP Khánh Hòa
57	05.0004	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gut và các bệnh xương	Hoạt chất Paracetamol 500mg hoặc Hoạt chất Alpha Chymotrypsin 4.2mg	đ/ vi	Giá bán buôn	5.640	5.640	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Hoạt chất Paracetamol 500mg, thuốc Panactol, Việt Nam, Hộp 10 vi*10 viên, Uống, Công ty CPDP Khánh Hòa
58	05.0005	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	Hoạt chất N-acetylcystein 200mg	đ/ vi	Giá bán buôn	3.690	3.690	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Acetylcystein, Việt Nam, Hộp 100 gói, Uống, Công ty CPDP Cửu Long

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
59	05.0006	Thuốc vitamin và khoáng chất	Vitamin B1 hoặc B6 hoặc B12	đ/ vi	Giá bán buôn	3.680	3.680	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Vitamin B6, thuốc AGIDOXIN, Việt Nam, Hộp 10 vỉ*10 viên, Uông, Công ty Agimexpharm
60	05.0007	Thuốc đường tiêu hóa	Hoạt chất Omeprazole 20 mg hoặc Hoạt chất Domperdone 10 mg	đ/ vi	Giá bán buôn	1.310	1.310	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Kagadme, Việt Nam, Hộp 10 vỉ*10 viên, Uông, Công ty CPDP Khánh Hòa
61	05.0008	Học môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết	Hoạt chất Methyl Prednisolon 4mg hoặc Hoạt chất Gluciclazid 30 mg hoặc Hoạt chất Metformin 500mg	đ/ vi	Giá bán buôn	1.450	1.450	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Metformin 500mg, Việt Nam, Hộp 4 vỉ*15 viên, Uông, Công ty CPDP Tipharco
<b>VI 06 DỊCH VỤ Y TẾ</b>											
62	06.0001	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	39.000	39.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Bệnh viện hạng I
63	06.0002	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/ngày	Giá bán lẻ	199.100	199.100	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Bệnh viện hạng I

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
64	06.0003	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	49.000	49.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	
65	06.0004	X-quang số hóa 1 phim	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	47.000	47.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	
66	06.0005	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	42.400	42.400	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	
67	06.0006	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	45.900	45.900	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
68	06.0007	Nội soi thực quản-dạ dày-tả tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	231.000	231.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	
69	06.0008	Hàn composite cổ răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	324.000	324.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	
70	06.0009	Châm cứu (có kim dài)	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	81.800	81.800	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	
71	06.0010	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
72	06.0011	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/ngày	Giá bán lẻ	900.000	900.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Phòng 1 giường, Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
73	06.0012	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Siêu âm trắng đen, Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
74	06.0013	X-quang số hóa 1 phim	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
75	06.0014	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	150.000	150.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Làm xét nghiệm tế bào cận Adis (Bệnh viện không làm xét nghiệm nước tiểu), Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
76	06.0015	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
77	06.0016	Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	340.000	340.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
78	06.0017	Hàn composite cổ răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	400.000	400.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
79	06.0018	Chăm cứu (có kim dài)	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
80	06.0019	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiện Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
81	06.0021	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	180.000	180.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiện Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
82	06.0022	X-quang số hóa 1 phim	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	180.000	180.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiện Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
83	06.0023	Xét nghiệm tế bào căn nước tiểu hoặc cặn Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	50.000	50.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiện Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
84	06.0024	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiện Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
85	06.0025	Nội soi thực quản-da dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	350.000	350.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiện Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
86	06.0026	Hàn composite cổ răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	200.000	200.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiện Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
<b>VIII 07 GIAO THÔNG</b>											
87	07.0001	Trông giữ xe máy		đ/lượt	Giá bán lẻ	3.167	3.417	250	7,89	Do trực tiếp điền tra, thu thập	
88	07.0002	Trông giữ ô tô		đ/lượt	Giá bán lẻ	12.000	12.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Giữ xe ban ngày tại những nơi có nhiều nhu cầu trông giữ phương tiện
89	07.0003	Giá cước ô tô đi đường dài	Chọn 1 tuyến phổ biến, xe đường dài máy lạnh	đ/vé	Giá bán lẻ	250.000	250.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Tuyến Nha Trang - Sài Gòn xe giường nằm, máy lạnh

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
90	07.0004	Giá cước xe buýt công cộng	Đi trong nội tỉnh, dưới 30km	đ/vé	Giá bán lẻ	9.000	9.000	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	
91	07.0005	Giá cước taxi	Lấy giá 10km đầu, loại xe 4 chỗ	đ/km	Giá bán lẻ	13.500	13.500	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Hãng taxi Mai Linh
92	07.0006	Xăng E5 Ron 92		đ/lit	Giá bán lẻ	16.028	16.620	592	3,69	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Xăng sinh học E5 Ron 92-II
93	07.0007	Xăng Ron 95		đ/lit	Giá bán lẻ	17.017	17.610	593	3,48	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Xăng không chì Ron 95-III
94	07.0008	Dầu Diezel		đ/lit	Giá bán lẻ	12.745	13.300	555	4,35	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Dầu Diezen 0,05S-II
<b>VIII 08 DỊCH VỤ GIÁO DỤC</b>											
95	08.0001	Dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập		đ/tháng	Giá bán lẻ	140.000	140.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trường mầm non tại các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
96	08.0002	Dịch vụ giáo dục trường trung học cơ sở công lập (lớp 8)		d/tháng	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trường trung học cơ sở công lập tại các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố
97	08.0003	Dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập (lớp 11)		d/tháng	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trường trung học phổ thông công lập tại các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố
98	08.0004	Dịch vụ giáo dục đào tạo nghề công lập		d/tháng	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp – Hướng nghiệp Khánh Hòa, dạy nghề học sinh phổ thông

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
99	08.0006	Dịch vụ giáo dục đào tạo cao đẳng công lập		đ/tháng	Giá bán lẻ	940.000	940.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Mức thu học phí đối với các ngành, nghề đào tạo theo chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước cấp kinh phí - Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa, Ngành Y dược
100	08.0008	Dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập hoặc tương đương đại học công lập		đ/tháng	Giá bán lẻ	570.000	570.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Mức thu học phí đối với các ngành, nghề đào tạo theo chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước cấp kinh phí - Trường Đại học Khánh Hòa, Ngành Khoa học tự nhiên
<b>IX</b>	<b>09</b>	<b>GIẢI TRÍ VÀ DU LỊCH</b>									
101	09.0001	Du lịch trọn gói trong nước	Cho 1 người chuyển 2 ngày 1 đêm (từ đầu, đến đầu...)	đ/chuyến	Giá bán lẻ	1.630.000	1.630.000	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Nha Trang - Đà Lạt

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
102	09.0002	Phòng khách sạn 3 sao hoặc tương đương	Hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, Wifi	đ/ngày-đêm	Giá bán lẻ	600.000	500.000	(100.000)	(16,67)	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Khách sạn Nhi Phi (phòng ở 2 khách); giá do ảnh hưởng dịch bệnh Covid
103	09.0003	Phòng nhà khách tư nhân	1 giường, điều hoà, nước nóng-lạnh, phòng vệ sinh khép kín	đ/ngày-đêm	Giá bán lẻ	300.000	250.000	(50.000)	(16,67)	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Nhà khách C30-Glory (phòng ở 2 khách)
<b>X</b>	<b>10</b>	<b>VÀNG, ĐÓ LA MỸ</b>									
104	10.0001	Vàng 99,99%	Kiểu nhẫn tròn 1 chỉ	1000 đ/chỉ	Giá bán lẻ	5.483	5.437	(46)	(0,84)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
105	10.0002	Đó la Mỹ	Loại tờ 100USD	đ/USD	Giá bán lẻ	23.175	23.104	(71)	(0,31)	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	